

# ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

### TRƯỜNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

\*\*\*\*\*



# **BÁO CÁO**

## Bài tập thực hành tuần 2

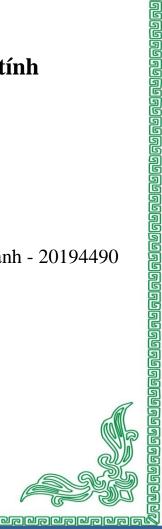
Học phần: Thực hành kiến trúc máy tính

Giảng viên hướng dẫn: Lê Bá Vui

Sinh viên thực hiện: Phạm Huy Cảnh - 20194490

**Mã lớp:** 130938

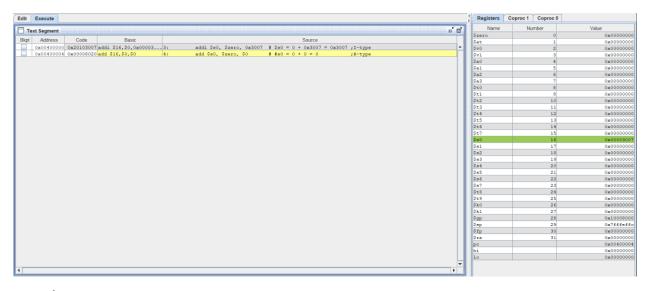




Hà Nội, tháng 4 năm 2022

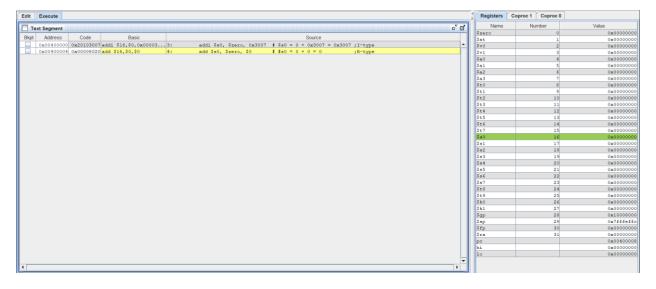
#### 1. Assignment 1: Lệnh gán số 16-bit

- Sau khi chạy dòng lệnh thứ nhất: addi \$s0, \$zero, 0x3007



### Ta thấy:

- + Thanh ghi \$s0 thay đổi giá trị bằng 0x00003007 (\$zero + 0x3007)
- + Thanh ghi  $$pc = 0 \times 00400004$  (Đúng bằng địa chỉ của câu lệnh thứ hai)
- => Thanh ghi \$pc tự động tăng thêm 4 để chỉ đến địa chỉ của câu lệnh tiếp theo
- Sau khi chạy dòng lệnh thứ hai: add \$s0, \$zero, \$0



### Ta thấy:

- + Thanh ghi \$s0 thay đổi giá trị bằng 0x0000000 (\$zero + \$0)
- + Thanh ghi \$pc = 0x00400008, Thanh ghi \$pc tiếp tục tăng thêm 4 để chỉ đến địa chỉ đến vùng nh tiếp theo

#### - Khuôn dạng lệnh:

+ Lệnh thứ nhất: addi \$16, \$0, 0x00003007

 $M\tilde{a} \ l\hat{e}nh = 0 \times 20103007 = 0010\ 0000\ 0001\ 0000\ 0011\ 0000\ 0000\ 0111$ 

opcode	rs	rt	immediate
6 bits	5 bits	5 bits	16 bits
001000	00000	10000	0011000000000111
8	0	16	0x3007

=> Câu lệnh thứ nhất đã chuẩn so với khuôn dạng lệnh I

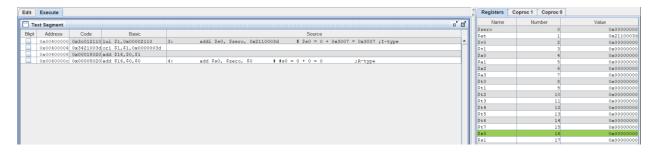
+ Lệnh thứ nhất: add \$16, \$0, \$0

 $M \tilde{a} \ l \hat{e} n h \ = \ 0 \times 0 \, 0 \, 0 \, 0 \, 8 \, 0 \, 2 \, 0 \ \ = 0000 \ 0000 \ 0000 \ 0000 \ 1000 \ 0000 \ 0010 \ 0000$ 

opcode	rs	rt	rd	shamt	funct
6 bits	5 bits	5 bits	5 bits	5 bits	6 bits
000000	00000	00000	10000	00000	100000
0	0	0	16	0	32

=> Câu lệnh thứ hai đã chuẩn so với khuôn dạng lệnh R

- *Sửa câu lệnh thành* addi \$s0, \$zero, 0x2110003d



+ Hiện tượng xảy ra: Câu lệnh addi \$s0, \$zero, 0x2110003d được thực hiện bằng 3 câu lệnh:

```
lui $1, 0x00002110

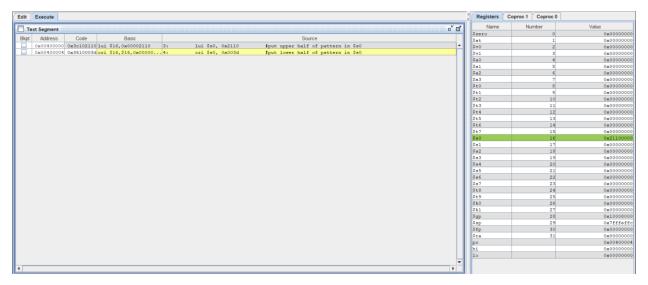
ori $1, $1, 0x0000003d

add $16, $0, $1
```

+ Giải thích: Vì câu lệnh một câu lệnh có độ dài 32 bits, trong khi đó ở câu lệnh trên phần immediate lại chiếm hết 32 bits của câu lệnh, nên để tính toán được nó chia phần immediate thành 2 phần là: 16 bits cao và 16 bits thấp. Sau đó ghi từng phần vào một thanh ghi 32 bits (ở đây là thanh ghi \$1). Lệnh lui sẽ ghi 2110<sub>(16)</sub> vào 16 bits cao của thanh ghi \$1, Lệnh ori sẽ ghi 003d<sub>(16)</sub> vào 16 bits thấp của thanh ghi \$1. Khi này thanh ghi \$1 = 0x2110003d, cuối cùng thực hiện lệnh add hai thanh ghi \$1 và \$0 kết quả được ghi vào thanh ghi \$16 (\$s0)

#### 2. Assignment 2: Lệnh gán số 32-bit

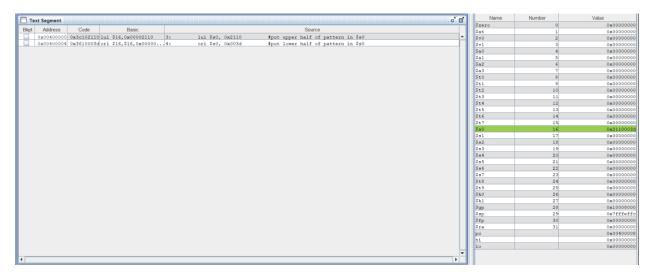
- Sau khi chạy dòng lệnh thứ nhất: lui \$s0, 0x2110



#### Ta thấy:

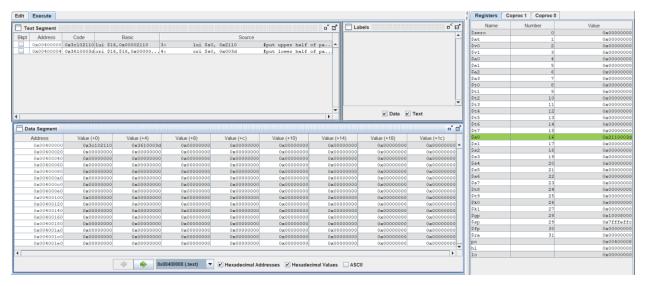
- + Thanh ghi \$s0 thay đổi giá trị bằng 0x21100000 (Ghi giá trị  $2110_{(16)}$  vào 2 bytes cao của thanh ghi \$s0)
  - + Thanh ghi \$pc = 0x00400004 (Đúng bằng địa chỉ của câu lệnh thứ hai)

- Sau khi chạy dòng lệnh thứ hai: ori \$50, 0x003d



#### Ta thấy:

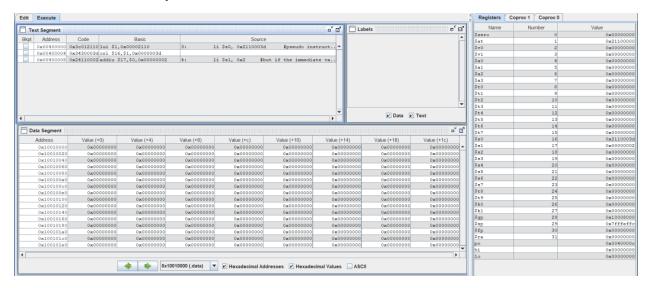
- + Thanh ghi \$s0\$ thay đổi giá trị bằng 0x2110003d (Ghi giá trị  $003d_{(16)}$  vào 2 bytes thấp của thanh ghi \$s0\$)
  - + Thanh ghi \$pc = 0x00400008, Thanh ghi \$pc tiếp tục tăng thêm 4 để chỉ đến vùng nhớ tiếp theo
  - Quan sát các byte trong vùng lệnh .text:



Nhận xét: Byte đầu tiên ở vùng lệnh trùng với cột Address trong cửa số Text Segment

#### 3. Assignment 3: Lệnh gán (giả lệnh)

#### Sau khi biến dịch:



- **Dòng lệnh thứ nhất:** li \$s0,0x2110003d
  - + Câu lệnh này được thực hiện bởi hai câu lệnh:

```
lui $1, 0x00002110

ori $16, $1, 0x0000003d
```

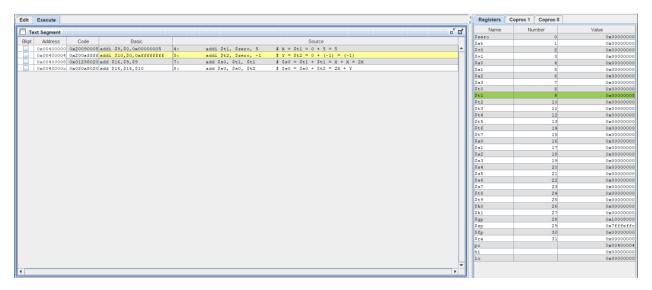
- + Giải thích: Phần immediate đã vượt quá mức 16 bits nên phải tách thành hai câu lệnh như trên để ghi lần lượt 16 bits cao và 16 bits thấp vào thanh ghi \$50. Bằng cách đầu tiên sử dụng lệnh lui \$1, 0x00002110 để ghi 2110 (16) vào 16 bits cao của thanh ghi \$1, khi đó thanh ghi \$1 = 0x21100000; sau đó sử dụng lệnh ori \$16, \$1, 0x0000003d để OR thanh ghi \$16 với thanh ghi \$1, khi đó thanh ghi \$16 = 0x2110003d. Vậy kết quả ta gán được giá trị 0x2110003d vào thanh ghi \$50
  - **Dòng lệnh thứ hai:** li \$s1,0x2
    - + Câu lệnh này được thực hiện bởi một câu lệnh:

```
addi $17, $0, 0x00000002
```

+ Giải thích: Phần immediate nằm trong mức cho phép nên câu lệnh trên chỉ cần thực hiện bằng một câu lệnh addi \$17, \$0,  $0 \times 00000002$ , khi đó ta được kết quả thanh ghi \$s1 được gán bằng  $0 \times 2$ 

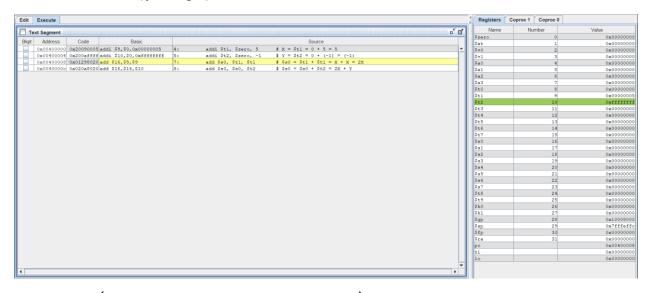
#### 4. Assignment 4: Tính biểu thức 2x+y=?

- Sau khi chạy dòng lệnh thứ nhất: addi \$t1, \$zero, 5



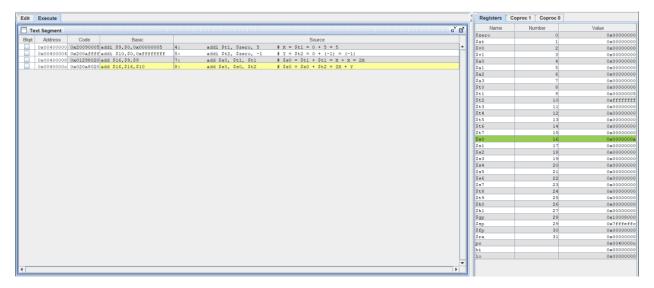
Ta thấy: Thanh ghi \$t1 được gán giá trị bằng 0x0000005 (5(10))

- Sau khi chạy dòng lệnh thứ hai: addi \$t2, \$zero, -1



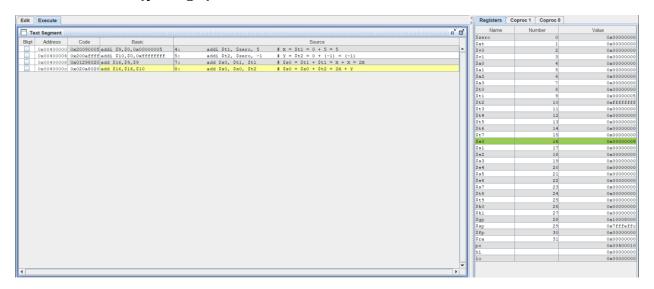
Ta thấy: Thanh ghi  $t_2$  được gán giá trị bằng  $t_1$ 0 xfffffff  $t_2$ 1 (-1(10))

- Sau khi chạy dòng lệnh thứ ba: add \$s0, \$t1, \$t1



Ta thấy: Thanh ghi \$s0 có giá trị bằng 0x0000000a ( $10_{(10)}$ )

- Sau khi chạy dòng lệnh thứ tư: add \$s0, \$s0, \$t2



Ta thấy: Thanh ghi \$s0 có giá trị bằng 0x0000009 (9(10))

=> Kết quả đúng

#### - Kiểm nghiệm khuôn dạng lệnh:

#### + Lệnh addi

Mã máy:  $0 \times 20090005 = 001000000000100100000000000000101$ 

Hop ngữ: addi \$9, \$0, 0x00000005

opcode	rs	rt immediate	
6 bits	5 bits	5 bits	16 bits
001000	00000	01001	000000000000101
8	0	9	5

Hợp ngữ: addi \$10, \$0, Oxfffffff

opcode	rs rt immed		immediate
6 bits	5 bits	5 bits	16 bits
001000	00000	01010	1111111111111111
8	0	10	-1

=> Cả hai câu lệnh addi đều đúng với khuôn dạng lệnh I

#### + Lệnh add

Hợp ngữ: add \$16, \$9, \$9

opcode	rs	rt	rd	shamt	funct
6 bits	5 bits	5 bits	5 bits	5 bits	6 bits
000000	01001	01001	10000	00000	100000
0	9	9	16	0	32

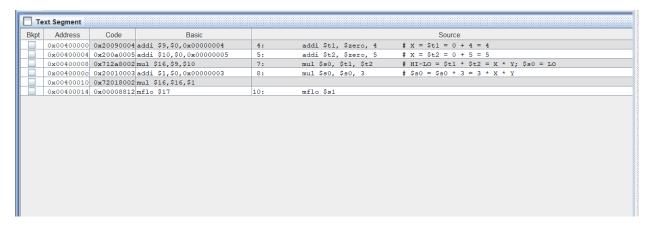
 $M\tilde{a}$  máy:  $0 \times 020 a8020 = 0000 0010 0000 1010 1000 0000 0010 0000$ 

Hợp ngữ: add \$16, \$16, \$10

opcode	rs	rt	rd	shamt	funct
6 bits	5 bits	5 bits	5 bits	5 bits	6 bits
000000	10000	01010	10000	00000	100000
0	16	10	16	0	32

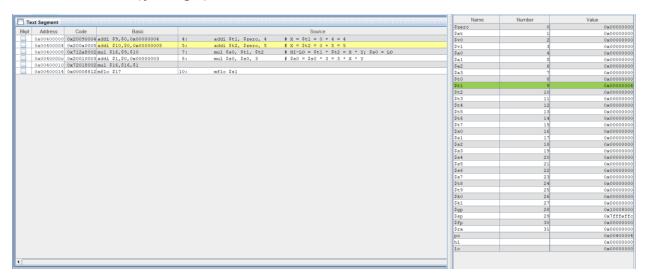
#### 5. Assignment 5: Phép nhân

- Biên dịch và quan sát các lệnh mã máy trong cửa sổ Text Segment:



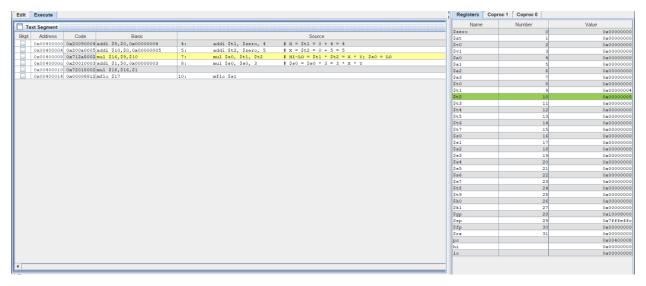
Nhận xét: Sự khác thường khi thực hiện hai câu lệnh mul

- + Khi thực hiện câu lệnh mul \$s0, \$t1, \$t2 thì máy thực hiện luôn việc nhân giữa hai thanh ghi \$t1 và \$t2, kết quả được ghi vào thanh ghi \$s0
- + Khi thực hiện câu lệnh mul \$50, \$50, 3. Vì không có thanh ghi nào lưu trữ riêng giá trị 3 nên để thực hiện được câu lệnh này thì được máy thực hiện bằng hai câu lệnh. Đầu tiên là câu lệnh addi \$1, \$0, 0x00000003, bước này là để gán giá trị 3 cho thanh ghi \$1. Sau đó thực hiện tiếp lệnh nhân mul \$16, \$16, \$1
  - Sau khi chạy dòng lệnh: addi \$t1, \$zero, 4



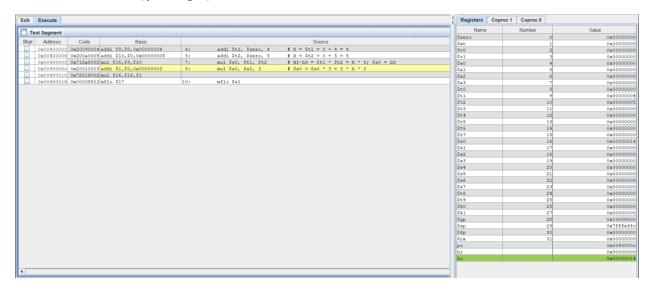
Ta thấy: Thanh ghi  $$t1 = 0 \times 00000004 (4_{(10)})$ 

- Sau khi chạy dòng lệnh: addi \$t2, \$zero, 5



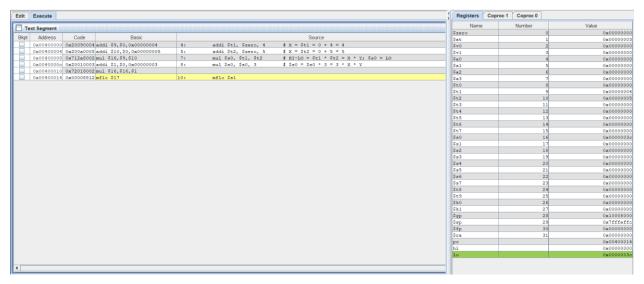
Ta thấy: Thanh ghi  $$t2 = 0 \times 00000005 (5_{(10)})$ 

- Sau khi chạy dòng lệnh: mul \$s0, \$t1, \$t2



Ta thấy: + Thanh ghi 
$$$$s0 = 0$x00000014 (20_{(10)})$$
  
+ Thanh ghi  $$10 = 0$x00000014 (20_{(10)})$ 

- Sau khi chạy dòng lệnh: mul \$s0, \$s0, 3

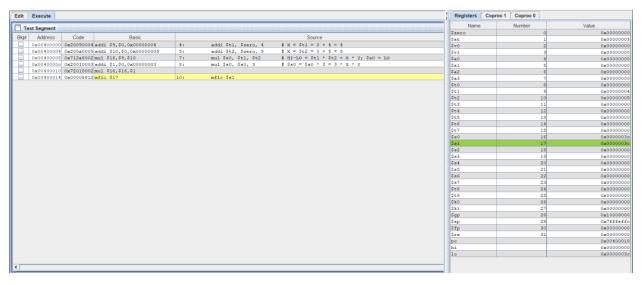


Ta thấy: + Đầu tiên thanh ghi \$1 được gán bằng  $0 \times 00000003$  (3(10))

+ Sau lệnh nhân ta có \$s0 = 0x0000003c (60<sub>(10)</sub>) và

lo = 0x0000003c (60<sub>(10)</sub>)

- Sau khi chạy dòng lệnh: mflo \$s1



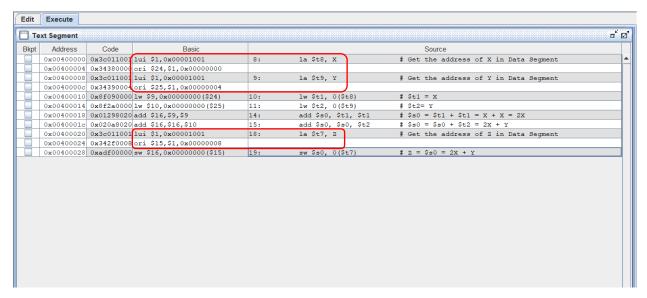
Ta thấy: Giá trị của thanh ghi lo được ghi vào trong thanh ghi

 $$s1 = 0x0000003c (60_{(10)})$ 

=> Kết quả đúng

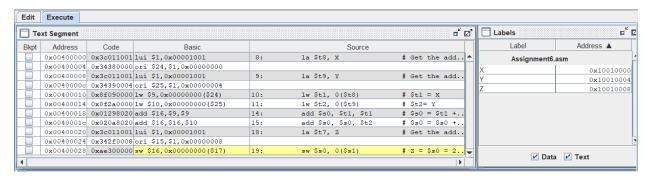
#### 6. Assignment 6: Tạo biến và truy cập biến

- Biên dịch và quan sát các lệnh mã máy trong cửa sổ Text Segment:

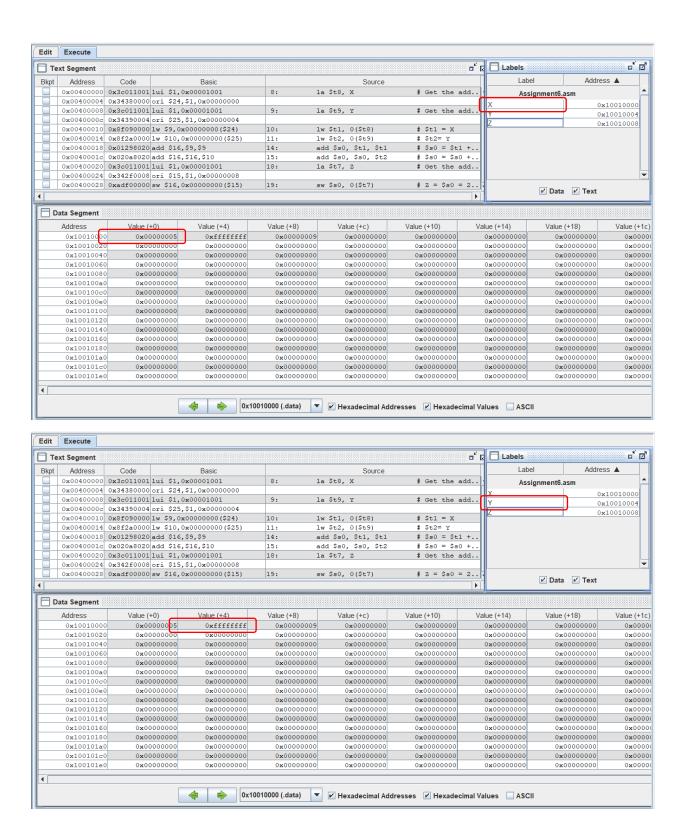


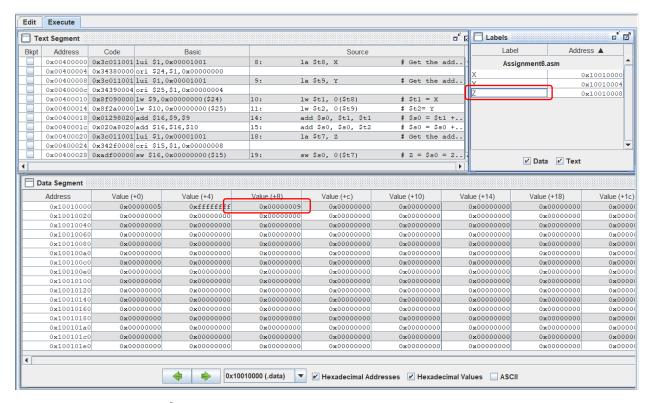
Ta thấy: Lệnh la được biên dịch bằng hai lệnh lui và ori. Vì địa chỉ của X, Y, Z được khai báo với chỉ thị là .word nên địa chỉ của X, Y, Z là số 32 bits nên cần thực hiện bằng việc thực hiện hai câu lệnh lui và ori

- Ở cửa sổ Label và quan sát địa chỉ của X, Y, Z:



Ta thấy: Địa chỉ của X, Y, Z được chia làm hai phần: 2 bytes cao và 2 bytes thấp. Tương ứng với mỗi lệnh la thì lệnh lui sẽ ghi 2 bytes cao của địa chỉ vào thanh ghi \$1 và lệnh ori sẽ OR thanh ghi \$1 với 2 bytes thấp của địa chỉ.





#### - Sau khi chạy lần lượt các dòng lệnh:

Ta thấy: + Sau khi lấy địa chỉ của các biến X, Y, Z và ghi địa chỉ đó vào các thanh ghi \$\frac{1}{5}\frac{1}{5}, \frac{1}{5}\frac{1}{5} bằng lệnh 1a

+ Tiếp tục lấy ra giá trị 32 bit (word) nằm trong các ô nhớ có địa chỉ vừa ghi được vào thanh ghi \$t8, \$t9 bằng lệnh lw vào các thanh ghi \$t1, \$t2

+ Sau khi thực hiện các câu lệnh add, kết quả đang được ghi trong trong thanh ghi \$s0. Để ghi giá trị 32 bit (word) trong thanh ghi \$s0 vào ô nhớ có địa chỉ được ghi trong thanh ghi \$t7 thì ta sử dụng lệnh sw

- Lệnh lb, sb
  - + 1b Để lấy ra dữ liệu kiểu byte (8 bit) tại ô nhớ thông qua địa chỉ trỏ đến ô nhớ đó ra thanh ghi
  - + sb Để ghi dữ liệu kiểu byte (8 bit, 8 bit này được lưu vào 8 bit thấp của ô nhớ) vào ô nhớ thông qua địa chỉ trỏ đến ô nhớ đó